



QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	NĂM 2025	NĂM 2024	NĂM 2024 ĐIỀU CHỈNH
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	43.845.425.941	50.783.085.170	50.783.085.170
	Lãi cho vay	40.818.837.000	50.183.694.000	50.183.694.000
	Lãi từ tiền gửi ngân hàng	3.026.588.941	599.391.170	599.391.170
2	Tổng Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	8.871.668.263	11.324.399.222	11.324.399.222
	Chi phí lãi tiền gửi tiết kiệm	836.942.800	1.517.859.400	1.517.859.400
	Chi phí lãi vốn vay	65.953.062	98.482.323	98.482.323
	Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	7.968.772.401	9.708.057.499	9.708.057.499
I	Thu nhập lãi thuần (1)-(2)	34.973.757.678	39.458.685.948	39.458.685.948
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	-	-	-
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	53.099.971	90.689.826	90.689.826
II.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (3)-(4)	(53.099.971)	(90.689.826)	(90.689.826)
III.	Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	-	-	-
IV.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-
V.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	-	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác	24.710.632	16.809.031	16.809.031
6	Chi phí từ hoạt động khác	10.389.470.344	3.679.904.508	3.679.904.508
VI.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác (5)-(6)	(10.364.759.712)	(3.663.095.477)	(3.663.095.477)
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-	-
VIII.	Chi phí hoạt động	19.728.287.896	23.677.753.122	23.677.753.122
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (I)+(II)+(III)+(IV)+(V)+(VI)+(VII)-(VIII)	4.827.610.099	12.027.147.523	12.027.147.523
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(990.899.931)	(113.490.305)	(113.490.305)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế (IX)-(X)	5.818.510.030	12.140.637.828	12.140.637.828
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.546.155.908	-	2.423.751.182
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-
XII.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.546.155.908	-	2.423.751.182
XIII.	Lợi nhuận sau thuế (XI)-(XII)	3.272.354.122	12.140.637.828	9.716.886.646
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập bảng
(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tông Linh

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi họ tên)



Thái Ngọc Bảo Trâm

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	NĂM 2025		
		TỔNG CỘNG	QUỸ XÃ HỘI	CTDA TCVM
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	43.845.425.941	2.490.333.340	41.355.092.601
	Lãi cho vay	40.818.837.000		40.818.837.000
	Lãi từ tiền gửi ngân hàng	3.026.588.941	2.490.333.340	536.255.601
2	Tổng Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	8.871.668.263	0	8.871.668.263
	Chi phí lãi tiền gửi tiết kiệm	836.942.800		836.942.800
	Chi phí lãi vốn vay	65.953.062		65.953.062
	Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	7.968.772.401		7.968.772.401
I	Thu nhập lãi thuần (1)-(2)	34.973.757.678	2.490.333.340	32.483.424.338
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	-		-
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	53.099.971		53.099.971
II.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (3)-(4)	(53.099.971)	-	(53.099.971)
III.	Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	-	-	-
IV.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-
V.	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	-	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác	24.710.632		24.710.632
6	Chi phí từ hoạt động khác	10.389.470.344		10.389.470.344
VI.	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác (5)-(6)	(10.364.759.712)	-	(10.364.759.712)
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-	-
VIII.	Chi phí hoạt động	19.728.287.896	-	19.728.287.896
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (I)+(II)+(III)+(IV)+(V)+(VI)+(VII)-(VIII)	4.827.610.099	2.490.333.340	2.337.276.759
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(990.899.931)	-	(990.899.931)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế (IX)-(X)	5.818.510.030	2.490.333.340	3.328.176.690
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.546.155.908		2.546.155.908
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-		-
XII.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.546.155.908	-	2.546.155.908
XIII.	Lợi nhuận sau thuế (XI)-(XII)	3.272.354.122	2.490.333.340	782.020.782
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	-

Ghi chú: Quỹ đã thực hiện tách Quỹ xã hội và CTDATCVM trên Báo cáo tài chính từ ngày 31/07/2025.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập bảng

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

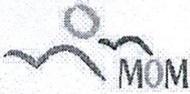
Nguyễn Tông Linh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)



Thái Ngọc Bảo Trâm

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

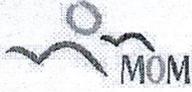
Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	TÀI SẢN	NĂM 2025	NĂM 2024	NĂM 2024 ĐIỀU CHỈNH
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	0	47.383.000	47.383.000
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước	0	0	0
III.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	196.531.317.278	20.198.913.326	20.198.913.326
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	196.531.317.278	20.198.913.326	20.198.913.326
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác			
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác			
IV.	Chứng khoán kinh doanh	0	0	0
1	Chứng khoán kinh doanh			
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh			
V.	Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	0	0
VI.	Cho vay khách hàng	78.478.893.352	321.564.879.821	321.564.879.821
1	Cho vay khách hàng	79.779.693.900	323.906.872.500	323.906.872.500
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	-1.300.800.548	-2.341.992.679	-2.341.992.679
VII.	Chứng khoán đầu tư	0	0	0
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán			
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn			
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư			
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	0	0	0
1	Đầu tư vào công ty con			
2	Góp vốn liên doanh			
3	Đầu tư vào công ty liên kết			
4	Đầu tư dài hạn khác			
IX.	Tài sản cố định	0	6.352.842	6.352.842
1	Tài sản cố định hữu hình	0	6.352.842	6.352.842
a	- Nguyên giá tài sản cố định	506.137.100	506.137.100	506.137.100
b	- Hao mòn tài sản cố định	-506.137.100	-499.784.258	-499.784.258
2	Tài sản cố định vô hình	0	0	0
a	- Nguyên giá tài sản cố định	304.000.000	304.000.000	304.000.000
b	- Hao mòn tài sản cố định	-304.000.000	-304.000.000	-304.000.000
X.	Tài sản có khác	993.737.466	6.135.117.232	6.135.117.232
1	Các khoản phải thu	0	3.747.319.104	3.747.319.104
2	Các khoản lãi, phí phải thu	815.137.466	2.102.298.128	2.102.298.128
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại			
4	Tài sản có khác	178.600.000	285.500.000	285.500.000
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bằng khác			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	276.003.948.096	347.952.646.221	347.952.646.221

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

	NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	NĂM 2025	NĂM 2024	NĂM 2024 ĐIỀU CHỈNH
I.	Các khoản nợ chính phủ và NHNN	0	0	0
II.	Tiền gửi - vay các TCTD và các tổ chức khác	0	0	0
1	Tiền gửi của các TCTD khác			
2	Vay các TCTD khác	0	0	0
III.	Tiền gửi của khách hàng	41.670.856.100	86.948.789.200	86.948.789.200
IV.	Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0	0
V.	Vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	36.472.449.766	42.519.339.054	42.519.339.054
VI.	Phát hành giấy tờ có giá	0	0	0
VII.	Các khoản nợ khác	5.059.918.177	7.500.783.361	28.956.148.036
1	Các khoản lãi, phí phải trả	177.818.620	276.542.936	276.542.936
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả			
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	4.882.099.557	7.224.240.425	28.679.605.100
	Cộng nợ phải trả	83.203.224.043	136.968.911.615	158.424.276.290
VIII.	Vốn và các quỹ	192.800.724.053	210.983.734.606	189.528.369.931
1	Vốn của tổ chức tín dụng	189.528.369.931	198.843.096.778	179.811.483.285
	Vốn điều lệ	6.204.398.851	6.204.398.851	6.204.398.851
	Vốn khác	183.323.971.080	192.638.697.927	173.607.084.434
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	0	0	0
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0	0
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0
5	Lợi nhuận chưa phân phối	3.272.354.122	12.140.637.828	9.716.886.646
	a. Năm trước	0	0	
	b. Năm nay	3.272.354.122	12.140.637.828	9.716.886.646
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	276.003.948.096	347.952.646.221	347.952.646.221

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập bảng

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

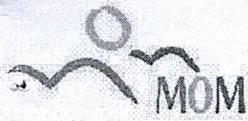
Nguyễn Tông Linh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)



Thái Ngọc Bảo Trâm

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

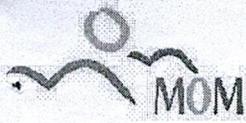
Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	TÀI SẢN	NĂM 2025	NĂM 2025	
			QUỸ XÃ HỘI	CTDA TCVM
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	0		0
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước	0		
III.	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	196.531.317.278	181.903.364.526	14.627.952.752
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	196.531.317.278	181.903.364.526	14.627.952.752
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác	0		
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	0		
IV.	Chứng khoán kinh doanh	0	0	0
1	Chứng khoán kinh doanh	0		
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	0		
V.	Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	0	0	0
VI.	Cho vay khách hàng	78.478.893.352	0	78.478.893.352
1	Cho vay khách hàng	79.779.693.900		79.779.693.900
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	-1.300.800.548		-1.300.800.548
VII.	Chứng khoán đầu tư	0	0	0
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	0		
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0		
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	0		
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	0	0	0
1	Đầu tư vào công ty con	0		
2	Góp vốn liên doanh	0		
3	Đầu tư vào công ty liên kết	0		
4	Đầu tư dài hạn khác	0		
IX.	Tài sản cố định	0	0	0
1	Tài sản cố định hữu hình	0	0	0
a	- Nguyên giá tài sản cố định	506.137.100	0	506.137.100
b	- Hao mòn tài sản cố định	-506.137.100	0	-506.137.100
2	Tài sản cố định vô hình	0	0	0
a	- Nguyên giá tài sản cố định	304.000.000	0	304.000.000
b	- Hao mòn tài sản cố định	-304.000.000	0	-304.000.000
X.	Tài sản có khác	993.737.466	0	993.737.466
1	Các khoản phải thu	0	0	0
2	Các khoản lãi, phí phải thu	815.137.466	0	815.137.466
3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	0		0
4	Tài sản có khác	178.600.000	0	178.600.000
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	0		0
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	276.003.948.096	181.903.364.526	94.100.583.570

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

Mã số	NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	NĂM 2025	NĂM 2025	
			QUỸ XÃ HỘI	CTDA TCVM
I.	Các khoản nợ chính phủ và NHNN	0	0	0
II.	Tiền gửi - vay các TCTD và các tổ chức khác	0	0	0
1	Tiền gửi của các TCTD khác	0		0
2	Vay các TCTD khác	0	0	0
a	- Vay Tổ chức NMA	0		0
b	- Vay Dự án Việt- Bỉ	0		0
c	- Vay ngân hàng MHB	0		0
d	- Vay ngân hàng ABBANK	0		0
III.	Tiền gửi của khách hàng	41.670.856.100	0	41.670.856.100
IV.	Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0	0
V.	Vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	36.472.449.766	0	4.307.964.385
VI.	Phát hành giấy tờ có giá	0	0	0
VII.	Các khoản nợ khác	5.059.918.177	0	5.059.918.177
1	Các khoản lãi, phí phải trả	177.818.620		177.818.620
2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0		0
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	4.882.099.557		4.882.099.557
	Cộng nợ phải trả	83.203.224.043	0	51.038.738.662
VIII.	Vốn và các quỹ	192.800.724.053	181.903.364.526	43.061.844.908
1	Vốn của tổ chức tín dụng	189.528.369.931	179.413.031.186	42.279.824.126
	Vốn điều lệ	6.204.398.851	6.204.398.851	42.279.824.126
	Vốn khác	183.323.971.080	173.208.632.335	
2	Quỹ của tổ chức tín dụng	0	0	0
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0		
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0		
5	Lợi nhuận chưa phân phối	3.272.354.122	2.490.333.340	782.020.782
	a. Năm trước	0		0
	b. Năm nay	3.272.354.122	2.490.333.340	782.020.782
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	276.003.948.096	181.903.364.526	94.100.583.570

Ghi chú:

- Quỹ đã thực hiện tách Quỹ xã hội và CTDATCVM trên Báo cáo tài chính từ ngày 31/07/2025.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập bảng

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tông Linh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)



Thái Ngọc Bảo Trâm

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

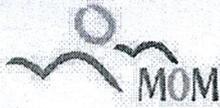
Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	NĂM 2025	NĂM 2024	NĂM 2024 ĐIỀU CHỈNH
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	5.818.510.030	12.140.637.828	12.140.637.828
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	6.352.842	11.641.668	11.641.668
03	Dự phòng rủi ro tín dụng, giảm giá, đầu tư tăng thêm/ (hoàn nhập) trong năm	(990.899.931)	(113.490.305)	(113.490.305)
04	Lãi và phí phải thu trong kỳ/(thực tế chưa thu)	(815.137.466)	(2.102.298.128)	(2.102.298.128)
05	Lãi và phí phải trả trong kỳ/(thực tế chưa trả)	177.818.620	276.542.936	276.542.936
06	(Lãi)/ lỗ do thanh lý tài sản cố định			
07	(Lãi)/ lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư			
08	(Lãi)/ lỗ do thanh lý các khoản đầu tư/ góp vốn vào dài hạn vào đơn vị khác, lãi, cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia từ HĐ đầu tư, góp vốn dài hạn			
09	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			
10	Các điều chỉnh khác			
	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	4.196.644.095	10.213.033.999	10.213.033.999
	Những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động			
	<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>			
11	(Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác			
12	(Tăng)/Giảm các khoản kinh doanh chứng khoán			
13	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác			
14	(Tăng)/Giảm cho vay đối với khách hàng	244.127.178.600	17.589.262.400	17.589.262.400
15	(Tăng)/Giảm lãi, phí phải thu	2.102.298.128	2.077.083.984	2.077.083.984
16	(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản	(50.292.200)	(153.051.800)	(153.051.800)
17	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	3.854.219.104	(2.216.075.814)	(2.216.075.814)
	<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
18	Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước			
19	Tăng/(Giảm) tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng	-	-	-
20	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng	(45.277.933.100)	(40.239.507.400)	(40.239.507.400)
21	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác			
22	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ ủy thác, đầu tư, và cho vay mà TCTD chịu rủi ro	(6.046.889.288)	(2.890.570.011)	(2.890.570.011)
23	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)			
24	Tăng/(Giảm) lãi, phí phải trả	(276.542.936)	(178.060.613)	(178.060.613)
25	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(4.129.705.777)	(2.247.668.711)	16.783.944.782
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp	198.498.976.626	(18.045.553.966)	986.059.527
26	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(22.213.955.674)	(631.685.293)	(631.685.293)
27	Chi từ các Quỹ của TCTD	-	-	-
	I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	176.285.020.952	(18.677.239.259)	354.374.234

**QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH TIỀN GIANG**

Tien Giang Capital Aid Fund for Women's Economic Development

Số 2, Lê Lợi, Phường Mỹ Tho, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

ĐT: (0273) 3886636 – 3582062

Fax: (0273) 3976129

Email: mom.office@mom.com.vn

Website: mom.com.vn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	NĂM 2025	NĂM 2024	NĂM 2024 ĐIỀU CHỈNH
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Mua sắm tài sản cố định	-	-	-
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định			
3	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định			
4	Mua sắm bất động sản đầu tư			
5	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư			
6	Tiền chi từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư			
7	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)			
8	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)			
9	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn			
	II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-	-	-
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tăng (Giảm) vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/ hoặc phát hành cổ phiếu	-	-	(19.031.613.493)
2	Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-	-
3	Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác	-	-	-
	III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-	(19.031.613.493)
IV	IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	176.285.020.952	(18.677.239.259)	(18.677.239.259)
V	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	20.246.296.326	38.923.535.585	38.923.535.585
VI	VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá			
VII	VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	196.531.317.278	20.246.296.326	20.246.296.326

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

Người lập bảng

(Ký, ghi họ tên)

Trần Thị Trúc Linh

Kế toán trưởng

(Ký, ghi họ tên)

Nguyễn Tông Linh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi họ tên)



Thái Ngọc Bảo Trâm